

## TRÍCH YẾU LUẬN ÁN

### I. TÓM TẮT MỞ ĐẦU

Họ và tên tác giả: PHẠM VĂN SƠN

Tên luận án : “Xác định một số đặc điểm ngoại hình, khả năng sản xuất và đánh giá sai khác di truyền của vịt Sín Chéng”

Chuyên ngành: Chăn nuôi. Mã số :9 62 01 05

Cơ sở đào tạo: Viện Chăn nuôi

### II. NỘI DUNG MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU:

- Đánh giá được đa dạng di truyền và sai khác di truyền của vịt Sín Chéng với một số vịt bản địa Việt Nam.

- Xác định được đặc điểm ngoại hình vịt Sín Chéng qua các thế hệ chọn lọc.

- Đánh giá được năng suất và chất lượng thịt, trứng vịt Sín Chéng nuôi ở các phương thức nuôi khác nhau.

#### Đối tượng nghiên cứu:

- Vịt Sín Chéng nuôi sinh sản qua ba thế hệ.

- Vịt Sín Chéng nuôi sinh sản và nuôi thịt theo hai phương thức nuôi.

#### Phương pháp nghiên cứu:

- Đánh giá sự sai khác di truyền của vịt Sín Chéng với vịt Minh Hương, vịt Mường Khiêng và vịt Bầu Bền bằng chỉ thị phân tử Microsatellite.

- Chọn lọc kiểu hình và nhân thuần vịt Sín Chéng nuôi sinh sản qua ba thế hệ.

- Đánh giá năng suất sinh sản và khả năng sinh trưởng, cho thịt và chất lượng thịt của vịt Sín Chéng ở hai phương thức nuôi bằng phương pháp phân lô so sánh.

- Đánh giá sự ưa thích của người tiêu dùng với sản phẩm thịt và trứng vịt Sín Chéng bằng phép thử thị hiếu.

### III. KẾT QUẢ:

1. Vịt Sín Chéng có tính đa dạng di truyền cao với số alen trung bình/locus là 9,80 và tần số dị hợp tử mong đợi (He) là 0,69, hệ số cận huyết (Fis) là 0,13. Khoảng cách di truyền của vịt Sín Chéng xa nhất với vịt Bầu Bền (0,40) tiếp đến là vịt Mường Khiêng (0,24) và gần nhất là vịt Minh Hương (0,23). Vịt Sín Chéng có phân bố riêng một nhánh trong cây phát sinh chủng loài và có cấu trúc di truyền đồng nhất (thuần) và riêng biệt so với ba giống vịt bản địa trên.

2. Vịt Sín Chéng có màu lông khá thuần nhất, lúc 01 ngày tuổi lông ở lưng màu đen sẫm và lông vàng ở bụng, có vết lông đen kéo dài bắt đầu từ sống mũi chạy ngang qua cuối đuôi mắt cắt sát vết dọc đen chính chạy từ đầu xuống đuôi. Tại 08 tuần tuổi vịt mái có lông màu cánh sè xen lẫn màu hoa cà là 79,30%, màu đen xám chiếm 20,70 %; vịt trống có lông xám đá và bụng trắng chiếm 73,79%. Lúc 22 tuần tuổi vịt mái có màu lông chủ đạo là màu cánh sè xen lẫn hoa cà chiếm 86,86%, có khoang hình thoi màu xanh tím than ở cuối lông cánh và có vết lông đen kéo dài bắt đầu từ sống mũi chạy ngang qua cuối đuôi mắt; vịt trống có lông màu xám đá kết hợp bụng trắng chiếm 86,21%, đầu to và lông đầu màu xanh đen. Cả vịt trống và vịt mái đều có mỏ và chân có màu vàng và xám.

Khối lượng lúc 8 tuần tuổi của vịt Sín Chéng con trống và con mái thể hệ xuất phát đạt 1772,10 g/con và 1684,71 g/con; thế hệ 1 đạt 1792,03 g/con và 1694,91 g/con; thế hệ 2 đạt 1795,26 g/con và 1698,29 g/con. Khối lượng lúc 22 tuần tuổi con trống và con mái thể hệ xuất phát đạt 2273,25 g/con và 2164,29 g/con; thế hệ 1 đạt 2293,15 g/con và 2234,19 g/con; thế hệ 2 đạt 2350,62 g/con và 2250,75 g/con.

Vịt Sín Chéng thế hệ 2 có năng suất trứng/mái/52 tuần đẻ đạt 164,05 quả. Tiêu tốn thức ăn/10 trứng là 4,58 kg. Khối lượng trứng trung bình 75,66g/quả. Tỷ lệ trứng có phôi đạt 95,52%; tỷ lệ nở/trứng ấp đạt 90,04%; tỷ lệ vịt loại 1/tổng trứng ấp 84,71%.

3. Vịt Sín Chéng nuôi sinh sản ở phương thức nuôi bán chăn thả có năng suất trứng đạt 91,80 quả/mái/23 tuần đẻ (cao hơn phương thức nuôi nhốt 3,73 quả), tiêu tốn TA/10 trứng 3,94 kg (thấp hơn phương thức nuôi nhốt 0,32 kg). Khối lượng trứng thời điểm 38 tuần tuổi 75,31g, chỉ số hình thái 1,36, tỷ lệ lòng đỏ 34,87%, màu lòng đỏ 9,82, đơn vị Haugh 81,25; protein lòng đỏ 17,75%, lipit lòng đỏ 31,80% và khoáng tổng số lòng đỏ 2,21%. Phương thức nuôi nhốt khối lượng trứng ở 38 tuần tuổi 75,66g, chỉ số hình thái 1,37, tỷ lệ lòng đỏ 32,34%, màu lòng đỏ 9,73, đơn vị Haugh 80,26; protein lòng đỏ 17,72%, lipit lòng đỏ 31,72% và khoáng tổng số lòng đỏ 1,81%. Trứng vịt nuôi bán chăn thả được người tiêu dùng đánh giá cao hơn trứng vịt nuôi nhốt.

Vịt Sín Chéng nuôi thịt ở phương thức nuôi bán chăn thả có khối lượng lúc 12 tuần tuổi đạt 2001,79 - 2345,17 g/con, tiêu tốn TA/kg tăng khối lượng 4,49 kg, tỷ lệ thân thịt đạt 68,10 - 68,24%, tỷ lệ thịt đùi chiếm 13,19 - 13,29%, tỷ lệ thịt lườn 14,26 - 14,55%, tỷ lệ mỡ bụng 0,56 - 0,63%; protein thô 21,16 - 21,77%; lipit 1,46 - 3,02%; khoáng tổng số 1,14 - 1,26%; màu đỏ (a\*) thịt 18,40 - 19,55; độ dai (N) 3,02 - 3,35. Phương thức nuôi nhốt có khối lượng lúc 12 tuần tuổi đạt 2130,40 - 2435,00 g/con (cao hơn phương thức nuôi bán

chăn thả trung bình 109,22 g/con), tiêu tốn TA/kg tăng khối lượng 4,60 kg (cao hơn phương thức nuôi bán chăn thả 0,11 kg thức ăn), tỷ lệ thân thịt 68,33 – 68,77%, tỷ lệ thịt đùi 12,37 – 12,66%, tỷ lệ thịt lườn 14,76 – 14,81%, tỷ lệ mỡ bụng 1,70 – 1,84% (cao hơn phương thức nuôi bán chăn thả trung bình 1,18%); protein thô 21,32 – 21,92%; lipit 4,55 – 5,62%; khoáng tổng số 0,91 – 1,05%; màu đỏ (a\*) thịt 18,15 – 19,62; độ dai (N) 2,55 – 3,18. Thịt vịt nuôi bán chăn thả được người tiêu dùng đánh giá ngon hơn thịt vịt nuôi nhốt.

#### IV. KẾT LUẬN

Vịt Sín Chéng có phân bố riêng một nhánh trong cây phát sinh chủng loài và có cấu trúc di truyền đồng nhất, thịt và trứng vịt Sín Chéng có chất lượng cao và được người tiêu dùng ưa thích, chất lượng của trứng và thịt vịt Sín Chéng phụ thuộc vào phương thức nuôi dưỡng

Người hướng dẫn 1



**TS. Ngô Thị Kim Cúc**

Người hướng dẫn 2



**TS. Hồ Lam Sơn**

Nghiên cứu sinh



**Phạm Văn Sơn**